Ký bởiUBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 04/01/2023 16:31:52

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 01 /2023/QĐ-UBND | *Lâm Đồng, ngày 04 tháng 01 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 130/TTr-STC ngày 14 tháng 11 năm 2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành,

có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án**

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp.

3. Nguồn đóng góp tự nguyện của người dân và vốn huy động hợp pháp khác.

**Điều 3. Nguyên tắc, cơ chế quản lý vốn đầu tư**

1. Nguyên tắc quản lý:

a) Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây gọi là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP);

b) Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư là Ban quản lý xã tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư là Ban phát triển thôn và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án;

c) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành;

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc;

d) Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

đ) Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

2. Cơ chế quản lý:

Hằng năm, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã thông qua kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có danh mục dự án đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện. Ban quản lý cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án trên địa bàn xã có giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện.

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành danh mục công trình, dự án, Ban quản lý cấp xã trình Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt dự án đầu tư; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện.

**Điều 4. Thanh toán vốn hỗ trợ bằng tiền**

1. Mở tài khoản:

Ban quản lý xã đăng ký mở tài khoản theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước và quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Ban quản lý xã được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Cơ chế cấp vốn:

Căn cứ văn bản thông báo về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã để thực hiện các công trình, dự án, nhiệm vụ cho xã; tài chính xã làm thủ tục rút dự toán theo quy định hiện hành (Mẫu số C2-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước). Đồng thời thực hiện phân bổ kế hoạch vốn theo quy định hiện hành.

Đối với nguồn vốn nhân dân đóng góp thực hiện nộp vào tài khoản tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát thanh toán.

3. Hồ sơ pháp lý kiểm soát, thanh toán vốn (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung), các tài liệu này là bản chính hoặc sao y bản chính của chủ đầu tư, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

b) Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo dự toán xây dựng công trình hoặc Bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng;

c) Hợp đồng thực hiện công trình được ký kết giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn, Phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có);

d) Quyết định thành lập Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn; văn bản phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm (trừ trường hợp không yêu cầu phải lập dự toán hàng năm); dự toán và văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (trường hợp tự thực hiện).

4. Hồ sơ thanh toán vốn:

Gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành (theo các Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP), gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT;

b) Chứng từ chuyển tiền: Mẫu số 05/TT;

c) Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng): Mẫu số 04.b/TT;

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT), bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT);

đ) Bảng kê chứng từ thanh toán do chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm (đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng).

**Điều 5. Tạm ứng vốn bằng tiền**

1. Cơ chế tạm ứng vốn:

a) Tổng mức vốn tạm ứng đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có);

Tổng mức vốn tạm ứng đối với công việc không thông qua hợp đồng không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt;

b) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với Ban phát triển thôn, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn và người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định);

c) Đối với chi phí quản lý dự án: Ban quản lý xã lập bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Ban quản lý xã) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Ban quản lý xã chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt;

d) Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn (theo các Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP), gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này;

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT;

c) Chứng từ chuyển tiền: Mẫu số 05/TT.

**Điều 6. Thanh toán vốn hỗ trợ bằng hiện vật**

Khi thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành đối với việc Nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật, hồ sơ thanh toán là Bảng kê chi tiết các loại vật liệu, chi phí khác được nhà nước hỗ trợ (theo mẫu số HV/QTDA ban hành kèm theo Quyết định này).

**Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành**

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư:

a) Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo mẫu số 14/QTDA và 15/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (sau đây gọi là Thông tư số 96/2021/TT-BTC);

b) Các văn bản pháp lý có liên quan gồm: Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản; Quyết định chỉ định thầu; Biên bản thương thảo hợp đồng; Hợp đồng thi công; Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; Biên bản thanh lý hợp đồng và các hồ sơ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

c) Đối với công trình, dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, căn cứ vào đơn giá hiện vật nêu tại Bảng kê chi tiết các loại vật liệu, chi phí khác được nhà nước hỗ trợ (theo mẫu số HV/QTDA ban hành kèm theo Quyết định này) để hạch toán vào giá trị công trình để theo dõi, quản lý.

2. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:

a) Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 02 tháng, Ban quản lý xã phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

b) Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: chậm nhất sau 01 tháng kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

c) Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (Mẫu số 11/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC).

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2023.

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Quản lý xã chịu trách nhiệm về số liệu đưa vào báo cáo quyết toán; lập báo cáo quyết toán theo Quy định này và gửi báo cáo đúng thời hạn quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

b) Thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý;

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát thanh toán dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh tại quy định này và quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 9;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT THDL và CĐS tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KH, $TH_2$.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Hiệp**

**Mẫu HV/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01./2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

**Tên công trình…..**

**Bên giao thầu (chủ đầu tư)…**

**Bên nhận thầu (người đại diện)…**

**Lần thanh toán….**

## BẢNG KÊ CHI PHÍ

| Số TT | Nội dung chi phí | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Chi phí vật liệu** | | | | |
| 1 | Vật liệu A | | | | |
| 2 | Vật liệu B | | | | |
| 3 | Vật liệu … | | | | |
| Cộng | | | | | |
| **II** | **Chi phí khác** | | | | |
| 1 | Chi phí nhân công: | | | | |
| 2 | Chi phí … | | | | |
| Cộng | | | | | |
| **Tổng cộng:** | | | | | |
| **Bằng chữ:** | | | | | |

*…., ngày … tháng .. năm …*

**Ban phát triển thôn** | **Giám sát cộng đồng** ( nếu có) | **Đại diện chủ đầu tư**